TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số:173/2024/DS – ST
Ngày: 10-9-2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Châu

Ông Huỳnh Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:242/2024/TLST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2024; Về việc:*"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:385/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A. Địa chỉ: Số 266-268, đường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Sĩ K, sinh năm 1979- Cán bộ Ngân hàng A, chi nhánh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 30, đường T, phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo Văn bản ủy quyền số 82/2024/GUY ngày 20

tháng 5 năm 2024), (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 2004. Địa chỉ: Số 612/45B, đường M, phường X (Nay là phường Y), thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A (Gọi tắt là Ngân hàng) ông Nguyễn Sĩ K trình bày:*

Ngày 07/11/2022, chị Nguyễn Thị G với Ngân hàng A, chi nhánh Sóc Trăng có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng: Loại thẻ VISA – số thẻ 472074-4812, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng; Lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn x 150%; Ngân hàng được quyền điều chỉnh mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của Ngân hàng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nêu trên do chị Nguyễn Thị G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không có thiện chí trả nợ, nên vào ngày 11/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị G và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo đúng như hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, với tổng số tiền dư nợ tạm tính đến ngày 09/4/2024 là 36.294.461 đồng. Trong đó, tiền vốn vay còn nợ là 24.119.156 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.175.305 đồng.

Cụ thể, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2024 tổng cộng là 41.431.439 đồng. Trong đó, tiền gốc giao dịch là 20.580.000 đồng, tiền phí trễ hạn là 821.950 đồng, tiền lãi quá hạn là 20.357.145 đồng (với mức lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng, lãi trong hạn đã được điều chỉnh theo Quyết định số 2661/QĐ-TT ngày 28/10/2022 của Ngân hàng A là 2,77%/tháng), tiền phí sử dụng vượt hạn mức cấp tín dụng là 272.344 đồng, tiền phí sử dụng thẻ VISA là 299.000 đồng, sau khi đã trừ số tiền chị G thanh toán 899.000 đồng.

Vì vậy, nay Ngân hàng A khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị G trả số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay nêu trên.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị G được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về việc bị nguyên đơn

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền vốn, lãi vay còn nợ lại cho Ngân hàng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn chị Nguyễn Thị G đều vắng mặt, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị G có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ lại nêu trên cho Ngân hàng, cũng như tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi chị Nguyễn Thị G thanh toán xong khoản nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, chị Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Nguyễn Thị G theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Thị G yêu cầu thanh toán số tiền vốn và tiền lãi vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng hai bên đã ký. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo nội dung thỏa thuận tại Khoản 33 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng A, kèm theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng hai bên thỏa thuận, ký kết nêu trên khi có phát sinh tranh chấp nếu không thương lượng được thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết và nguyên đơn Ngân hàng A lựa chọn là Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải

quyết vụ kiện theo địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn chị Nguyễn Thị G thanh toán tiền vốn, lãi vay của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, Loại thẻ VISA – Số thẻ 472074-4812 ngày 07/11/2022 giữa hai bên, thỏa thuận ký kết thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Nguyễn Thị G không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền vốn, lãi, phí sử dụng thẻ tín dụng còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2024) là 41.431.439 đồng. Trong đó, tiền gốc giao dịch là 20.580.000 đồng, tiền phí trễ hạn là 821.950 đồng, tiền lãi quá hạn là 20.357.145 đồng (với mức lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng, lãi trong hạn đã được điều chỉnh theo Quyết định số 2661/QĐ-TT ngày 28/10/2022 của Ngân hàng A là 2,77%/tháng), tiền phí sử dụng vượt hạn mức cấp tín dụng là 272.344 đồng, tiền phí sử dụng thẻ VISA là 299.000 đồng, sau khi đã trừ số tiền chị G đã thanh toán 899.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng cá nhân, Loại thẻ VISA – Số thẻ 472074-4812 ngày 07/11/2022; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân; Phiếu yêu cầu kích hoạt thẻ, nhận thẻ ngày 07/11/2022 của người yêu cầu Nguyễn Thị G; Các bản tóm tắt sao kê sử dụng Thẻ tín dụng, Số thẻ 472074-4812 của chị Nguyễn Thị G; Căn cước công dân của Nguyễn Thị G và các tài liệu chứng cứ khác (bút lục số 15 – 37) và Bản tóm tắt sao kê dư nợ gốc và lãi vay đến hết ngày 10/9/2024 của khách hàng sử dụng Thẻ tín dụng chị Nguyễn Thị G. Các tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện nội dung bị đơn chị Nguyễn Thị G có vay số tiền 20.000.000 đồng của Ngân hàng A, chi nhánh Sóc Trăng thông qua việc sử dụng thẻ tín dụng nêu trên, bị đơn chị Nguyễn Thị G đều có ký tên, nhận nợ và nguyên đơn Ngân hàng cũng thừa nhận sau khi vay thì chị G chỉ thanh toán tiền nợ gốc vay cho Ngân hàng với số tiền là 899.000 đồng, còn nợ lại tiền vốn gốc giao dịch, tiền phí trễ hạn, tiền lãi quá hạn, tiền phí sử dụng vượt hạn mức cấp tín dụng, tiền phí sử dụng thẻ VISA tổng cộng là 41.431.439 đồng, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị đơn chị Nguyễn Thị G có vay và còn nợ lại Ngân hàng A, chi nhánh Sóc Trăng số tiền vốn

vay, tiền lãi quá hạn, tiền các khoản phí sử dụng thẻ tín dụng tổng cộng là 41.431.439 đồng.

Do bên vay chị Nguyễn Thị G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi, phí sử dụng thẻ tín dụng…theo nội dung thỏa thuận tại Khoản 19, 20, 21, 22, 23, 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng A, kèm theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với chị Nguyễn Thị G yêu cầu thanh toán tiền vốn, lãi vay quá hạn, tiền phạt chậm trả tiền vốn, lãi và các khoản phí sử dụng thẻ tín dụng còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 41.431.439 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền là 2.071.572 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[6] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn chị Nguyễn Thị G, về việc tranh chấp Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân, Loại thẻ VISA - Số thẻ 472074-4812 ngày 07/11/2022.

2. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị G có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền vốn vay, tiền lãi vay quá hạn, tiền phạt chậm trả vốn, lãi và phí sử dụng thẻ tín dụng (tạm tính đến ngày 10/9/2024) tổng cộng là 41.431.439 đồng. Trong đó, tiền vốn gốc và các loại phí giao dịch sử dụng thẻ là 24.119.156 đồng và tiền lãi quá hạn là 17.312.283 đồng.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị G chậm thanh toán số tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân ngày 07/11/2022 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 11/9/2024 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

Trường hợp trong Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bị đơn chị Nguyễn Thị G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1 Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị G có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.071.572 đồng.

3.2 Nguyên đơn Ngân hàng A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 907.362 đồng theo biên lai thu số 0001763 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị G thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND TP. Sóc Trăng;*
- *Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha